

nhân vật, chọn lọc các chi tiết có ý nghĩa nhất, sắp xếp các sự việc một cách tự nhiên...

+ Tìm một giọng kể phù hợp với nội dung câu chuyện. (Ngôn ngữ dân gian nếu câu chuyện có tính khôi hài, ngôn ngữ trữ tình đậm thắm nếu câu chuyện cảm động, ...). Giọng kể góp phần tạo nên cái duyên cho bài viết.

## **2) Phương pháp làm bài:**

\* Bước 1: Đọc (tái hiện) lại nội dung câu chuyện cần kể. Chú ý nhớ kĩ những sự việc chính, những chi tiết quan trọng để có thể kể lại đúng và đủ theo thứ tự nội dung cốt chuyện. (Cốt chuyện là một chuỗi sự việc làm nòng cốt cho diễn biến của chuyện. Cốt chuyện thường có 3 phần: Mở đầu, diễn biến, kết thúc).

\* Bước 2: Tóm tắt nội dung chuyện theo ý lớn của từng đoạn (trong 5-7 câu).

\* Bước 3: Ghi vào vở nháp dàn ý vắn tắt của chuyện (các nhân vật chính, các tình tiết chính trong phần mở đầu, diễn biến và kết thúc câu chuyện).

\* Bước 4: Dựa vào dàn ý vắn tắt, dùng lời văn của mình kể lại từ đầu đến cuối câu chuyện một cách rõ ràng, rành mạch và đầy đủ.

## **3) Dàn bài chung:**

\* Mở bài: Giới thiệu hoàn cảnh và nhân vật (chuyện xảy ra ở đâu? Bao giờ? Có những nhân vật nào?...).

\* Thân bài: Kể lại toàn bộ diễn biến của câu chuyện theo cốt chuyện đã thấy hoặc đã nghe hoặc do mình tưởng tượng ra.

(Cần chọn từ, đặt câu, chọn chi tiết, ... và có thể sử dụng cả văn đối thoại để làm câu chuyện thêm phần sinh động).

\* Kết bài: Nêu phần kết của câu chuyện (Câu chuyện kết thúc ra sao? Có chiều hướng tốt hay xấu? gợi cho em cảm giác gì? Bài học rút ra từ câu chuyện là gì?)

## **4) Bài tập thực hành:**

\* Đề bài: Cho các tình tiết sau:

- Sắp đến ngày khai trường, cả lớp ai cũng có quần áo mới trừ Hằng, vì nhà Hằng rất nghèo. Tôi về xin phép mẹ để tặng Hằng bộ quần áo mới của mình.

- Mẹ khen tôi biết thương yêu bè bạn và thưởng cho tôi một bộ quần áo khác. Dựa vào các tình tiết trên, em hãy kể lại câu chuyện và đặt tên cho chuyện.

## **5) Bài tập tư luyện:**

**Đề 1:** Suốt đêm mưa to gió lớn. Sáng ra ở tổ chim chót vót trên cây cao, có con chim lớn đang giữ cánh ướt. Bên cạnh là chú chim con lông cánh vẫn khô nguyên vừa mở bừng đôi mắt đón ánh nắng mặt trời.

Câu chuyện gì xảy ra với 2 chú chim trong đêm qua? Em hãy hình dung và kể lại.

**Đề 2:** "...Một cậu bé vui sướng cầm tiền mẹ vừa cho ra phố mua kem. Bỗng cậu gặp một ông lão ăn xin già yếu. Ông chìa bàn tay gầy gò, run rẩy trước mọi người để cầu xin sự giúp đỡ..."

Em hãy hình dung sự việc diễn biến tiếp theo để kể trọn vẹn câu chuyện, thể hiện tình thương, sự thông cảm với ông lão ăn xin trong câu bé mạnh hơn mong muốn được ăn kem.

**Đề 3:** Em đã từng tự làm một món quà đặc biệt để tặng người thân. Món quà ấy đã làm cho người nhận quà hết sức ngạc nhiên và xúc động. Hãy kể lại câu chuyện đó.

**Đề 4:** Hãy xây dựng một cốt chuyện có nội dung như sau:

Một lần em đã có một hành động thiếu trung thực. Em rất ân hận vì hành động đó của mình và đã tìm cách sửa chữa.

**Đề 5:** "Ngày xưa ngày xưa có hai mẹ con sống bên nhau rất hạnh phúc. Một hôm, người mẹ bị ốm nặng và chỉ khát khao được ăn quả táo thơm ngon.

Người con đã ra đi và cuối cùng, anh mang được quả táo về biếu mẹ.

Dựa vào lời tóm tắt trên, em hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện đi tìm quả táo của người con hiếu thảo.

**Đề 6:** Hãy viết tiếp bài văn của bạn Nga được mở đầu như sau:

Trong hộp bút của em có một chiếc bút đã cũ, không còn dùng được nữa, nhưng em luôn đem bên mình và giữ gìn cẩn thận. Đó là cây bút cô giáo đã cho em trong một lần em để quên bút ở nhà. Cây bút luôn nhắc em nhớ lại một kỉ niệm đẹp về cô giáo cũ của mình. Chuyện là thế này...

**Đề 7:** Em đã từng nhận được một món quà đặc biệt chứa đầy tình thương của người tặng. Hãy kể lại câu chuyện về kỉ niệm đó.

**Đề 8:** Hãy kể lại câu chuyện có nội dung: Kể kiêu ngạo sẽ chuốc lấy thất bại chua cay.

(Gợi ý: Chuyện Thỏ và Rùa; Cuộc chạy đua trong rừng, ...)

**Đề 9:** Kể lại câu chuyện có nội dung "Ở hiền gặp lành" theo lời của một nhân vật trong chuyện.

(Gợi ý: Chuyện Tấm Cám, Cây khế, ...)

**Đề 10:** "Một con dê đen và một con dê trắng cùng đi qua một chiếc cầu hẹp, chẳng con nào chịu nhường con nào..."

Kết quả ra sao? Em hãy kể lại câu chuyện ấy.

### 8.3. Thể loại viết thư:

#### 1) **Yêu cầu:**

- Xác định rõ đối tượng nhận thư (ông, bà, bố mẹ, bạn bè, ...)
- Xác định rõ mục đích viết thư (thông báo, thăm hỏi tin tức hay thuật chuyện).
- Sử dụng cách xưng hô, lời lẽ phải phù hợp với quan hệ tình cảm giữa người nhận và người viết. Tình cảm trong thư phải chân thành.

#### 2) **Dàn bài chung:**

\* Đầu thư:

- Nơi viết, ngày...tháng...năm...

- Lời chào, xưng hô với người nhận thư (tuỳ theo người nhận thư là ai, quan hệ với mình như thế nào mà có lời chào, lời xưng hô cho phù hợp).

\* Phần chính bức thư:

- Lí do, mục đích viết thư (tại sao viết thư, viết thư nhân dịp nào?...)

- Nội dung thăm hỏi, thuật chuyện:

+ Nếu là thư thăm hỏi: hỏi thăm sức khỏe, công việc làm ăn, đời sống, sinh hoạt hàng ngày đồng thời cũng thông báo các tình hình trên của mình cho người nhận thư biết. Ngoài ra, cần chú ý viết rõ về nội dung thăm hỏi mà đề bài yêu cầu.

+ Nếu là thư thuật chuyện: Thuật lại toàn bộ diễn biến câu chuyện nhưng cũng cần làm nổi bật trọng tâm của chuyện, xen lẫn thái độ, tình cảm của mình hoặc của người liên quan để thư thêm sinh động.

\* Cuối thư:

- Lời chúc (hoặc cảm ơn, hứa hẹn), lời tạm biệt.

- Kí tên.

### **3) Bài tập thực hành:**

**Đề 1:** Em có người bạn ở xa và đang bị ốm. Hãy viết thư cho bạn để thăm hỏi, động viên.

**Đề 2:** Đã lâu em chưa có dịp về quê thăm ông bà (hoặc chú, bác, cô, dì, ...). Em hãy viết thư thăm hỏi và nhắc lại một kỉ niệm về quê lần trước.

**Đề 3:** Qua chương trình thời sự, em được biết một bạn nhỏ ở miền Trung bị mất cả nhà cửa và người thân trong đợt lũ quét. Em hãy viết thư chia sẻ với bạn nỗi đau mất mát và động viên bạn sớm vượt qua khó khăn, đau khổ.



### PHẦN III: CẢM THỤ VĂN HỌC

#### A) Khái niệm:

- Cảm thụ văn học (CTVH) là sự cảm nhận những giá trị nổi bật, những điều sâu sắc, tế nhị và đẹp đẽ của văn học thể hiện trong tác phẩm (trong cuốn truyện, bài văn, bài thơ, ...) hay một bộ phận của tác phẩm (đoạn văn, đoạn thơ, ...) thậm chí là một từ ngữ có giá trị trong câu văn, câu thơ.
- Khi đọc (hoặc nghe) một câu chuyện, một bài thơ, ta không những hiểu mà còn phải xúc cảm, tưởng tượng và thật sự gần gũi, “nhập thân” với những gì đã đọc. Đọc có suy ngẫm, tưởng tượng và rung động thật sự sẽ giúp ta CTVH tốt.
- Để có được năng lực CTVH sâu sắc và tinh tế, cần có sự say mê, hứng thú khi tiếp xúc với thơ văn; chịu khó tích lũy vốn hiểu biết về thực tế cuộc sống và văn học, nắm vững kiến thức cơ bản về Tiếng Việt phục vụ cho CTVH; kiên trì rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn về CTVH.

#### B) Một số biện pháp nghệ thuật tu từ thường gặp ở tiểu học:

(Xem lại Mục 1/ phần II (Trang ...)).

#### C) Kĩ năng viết một đoạn văn về CTVH:

Để làm được một bài tập về CTVH đạt kết quả tốt, các em cần thực hiện đầy đủ các bước sau:

- \* Bước 1: Đọc kĩ đề bài, nắm chắc yêu cầu của bài tập (yêu cầu phải trả lời được điều gì? Cần nêu bật được ý gì?...)
- \* Bước 2: Đọc và tìm hiểu về câu thơ (câu văn) hay đoạn trích được nêu trong đề bài.
  - Đọc: Đọc diễn cảm, đúng ngữ điệu (có thể đọc thành tiếng hoặc đọc thầm). Việc đọc đúng, đọc diễn cảm sẽ giúp mạch thơ, mạch văn thấm vào tâm hồn các em một cách tự nhiên, gây cho các em những cảm xúc, ấn tượng trước những tín hiệu nghệ thuật xuất hiện trong đoạn văn, đoạn thơ.
  - Tìm hiểu: Dựa vào yêu cầu cụ thể của bài tập như cách dùng từ, đặt câu, cách dùng hình ảnh, chi tiết, cách sử dụng biện pháp nghệ thuật quen thuộc như so sánh, nhân hoá, ... cùng với những cảm nhận ban đầu qua cách đọc sẽ giúp các em cảm nhận được nội dung, ý nghĩa đẹp đẽ, sâu sắc toát ra từ câu thơ (câu văn).

\*Bước 3: Viết đoạn văn về CTVH (khoảng 7- 9 dòng) hướng vào yêu cầu của đề bài. Đoạn văn có thể bắt đầu bằng một câu “mở đoạn” để dẫn dắt người đọc hoặc trả lời thẳng vào câu hỏi chính ; tiếp đó, cần nêu rõ các ý theo yêu cầu của đề bài: cuối cùng, có thể “kết đoạn” bằng một câu ngắn gọn để “gói” lại nội dung cảm thụ.

**Ta có thể trình bày đoạn CTVH theo 2 cách sau:**

- **Cách 1:** Ta mở đầu bằng một câu khái quát (như nêu ý chính của một đoạn thơ (đoạn văn) trong bài tập đọc). Những câu tiếp theo là những câu diễn giải nhằm làm sáng tỏ ý mà câu khái quát (câu mở đoạn) đã nêu ra. Trong quá trình diễn giải, ta kết hợp nêu các tín hiệu, các biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng để tạo nên cái hay, cái đẹp của đoạn thơ (đoạn văn).

- **Cách 2:** Ta mở đầu bằng cách trả lời thẳng vào câu hỏi chính (Nêu các tín hiệu, các biện pháp nghệ thuật góp phần nhiều nhất tạo nên cái hay, cái đẹp của đoạn thơ (đoạn văn)). Sau đó diễn giải cái hay, cái đẹp về nội dung. Cuối cùng kết thúc là một câu khái quát, tóm lại những điều đã diễn giải ở trên (như kiểu nêu ý chính của đoạn thơ (đoạn văn) trong bài tập đọc).

+ **Lưu ý:** Đoạn văn CTVH cần được diễn đạt một cách hồn nhiên, trong sáng và bộc lộ cảm xúc ; cần tránh hết mức mắc các lỗi về chính tả, dùng từ, đặt câu ; tránh diễn đạt dài dòng về nội dung đoạn thơ (đoạn văn).

**C) Một số dạng bài tập về CTVH:**

**1- Dạng 1:** Bài tập tìm hiểu tác dụng của cách dùng từ, đặt câu sinh động:

**Bài tập 1:** (Câu 1-Luyện tập về CTVH -Trần Mạnh Hưởng)

Đoạn thơ dưới đây có những từ nào là từ láy? Hãy nêu rõ tác dụng gợi tả của các từ láy đó:

Quýt nhà ai chín đỏ cây,  
Hỡi em đi học hây hây má tròn  
Trường em mấy tổ trong thôn  
Ríu ra ríu rít chim non đầu mùa.

Tố Hữu

\* **Đáp án tham khảo:**

- Các từ láy có trong đoạn thơ trên là: hây hây, ríu ra ríu rít.

- Tác dụng gợi tả:

+ hây hây: (Chỉ màu da đỏ phơn phớt trên má) gợi màu sắc tươi tắn, đầy sức sống tươi trẻ.

+ ríu ra ríu rít: (Chỉ tiếng chim hoặc tiếng cười nói) gợi âm thanh trong và cao, vang lên liên tiếp và vui vẻ.

**Bài tập 2:** (Câu 5-Luyện tập về CTVH -Trần Mạnh Hưởng)

Đoạn văn dưới đây có thành công gì nổi bật trong cách dùng từ? Điều đó đã góp phần miêu tả nội dung sinh động như thế nào?

Vai kịt kịt, tay vung vẩy, chân bước thoăn thoắt. Tiếng lợn eng éc, tiếng gà chíp chíp, tiếng vịt cạc cạc, tiếng người nói léo xéo. Thỉnh thoảng lại điểm những tiếng ăng ẳng của con chó bị lôi sau sợi dây xích sắt, mặt buồn rầu, sợ sệt, ...



**\* Đáp án tham khảo:**

Đoạn văn có thành công nổi bật trong cách dùng các từ tượng thanh (eng éc, chíp chíp, cạc cạc, léo xéo, ăng ăng) và các từ tượng hình (kĩu kĩt, vung vẩy, thoăn thoắt). Điều đó đã góp phần miêu tả sinh động một bức tranh buổi sớm thường gặp ở những vùng quê với những hình ảnh quen thuộc của các bà, các chị đang gồng gánh hàng họ đi chợ trong một không khí thật nhộn nhịp và khẩn trương.

**2- Dạng 2:** Bài tập phát hiện những hình ảnh, chi tiết có giá trị gợi tả:

**Bài tập 3:** (Câu 15-Luyện tập về CTVH -Trần Mạnh Hưởng)

Kết thúc bài: “Đàn gà mới nở”, nhà thơ Phạm Hồ viết:

Vườn trưa gió mát

Bướm bay rập rờn

Quanh đôi chân mẹ

Một rưng chân con.

Em thích hình ảnh nào trong khổ thơ trên? Vì sao?

**\* Đáp án tham khảo:**

Trong đoạn thơ trên, em thích nhất hình ảnh “Một rưng chân con” đang vây “quanh đôi chân mẹ”, bởi qua hình ảnh ấy, em cảm nhận được sự vĩ đại của gà mẹ. Giữa một rưng chân bé xíu, non nớt (qua cách nói phóng đại của tác giả), đôi chân của gà mẹ giống như một cây đại thụ vững chắc, sẵn sàng che chở, chống chọi với mọi hiểm nguy để bảo vệ cho đàn con thơ dại của mình.

**Bài tập 4:** (Câu 16-Luyện tập về CTVH -Trần Mạnh Hưởng)

Câu thơ sau có những hình ảnh nào đối lập nhau? Sự đối lập đó gợi cho người đọc cảm nhận được điều gì?

Mồ hôi xuống, cây mọc lên

Ăn no, đánh thắng, dân yên, nước giàu.

Thanh Tịnh

**\* Đáp án tham khảo:**

Câu thơ có những hình ảnh đối lập nhau là: “Mồ hôi xuống” > < “Cây mọc lên”. Sự đối lập đó gợi cho người đọc cảm nhận rõ nét hơn những thành quả lao động do sức lực của con người tạo ra, giúp người đọc càng thấy rõ hơn ý nghĩa và tầm quan trọng to lớn do lao động mang lại: Nhờ có lao động, con người mới có lương thực để “ăn no”, có sức lực để “đánh thắng”, để cho “dân yên”, từ đó đất nước mới giàu mạnh.

**3- Dạng 3:** Bài tập tìm hiểu và vận dụng một số biện pháp tu từ thường gặp ở tiểu học:

**3.1. So sánh:**

**Bài tập 5:** (Câu 24-Luyện tập về CTVH -Trần Mạnh Hưởng)

Trong khổ thơ sau, hình ảnh so sánh đã góp phần diễn tả nội dung thêm sinh, gợi cảm như thế nào?

Mùa thu của em

Là vàng hoa cúc

Như nghìn con mắt  
Mở nhìn trời êm.

Quang Huy

\* Đáp án tham khảo:

Trong đoạn thơ trên, tác giả đã ví những bông hoa cúc giống như hàng nghìn con mắt đang ngược mắt nhìn lên bầu trời êm dịu. Cách so sánh đó đã làm cho bức tranh mùa thu càng thêm quyến rũ: Dưới khung trời rộng mở, tràn ngập một màu vàng tươi tắn và dịu mát của những bông hoa cúc mảnh mai. Cái màu vàng thanh khiết ấy như một nét nhấn vào lòng người đọc, khiến cho bất kì ai dẫu muốn dồn nén tâm tư cũng phải nao lòng. Màu vàng tươi mát đó còn gọi cho ta liên tưởng tới vẻ đẹp dịu dàng của mùa thu, khiến cho ta càng thêm yêu mến và gắn bó với mùa thu.

### 3.2. Nhân hoá:

**Bài tập 6:** (Câu 40-Luyện tập về CTVH -Trần Mạnh Hưởng)

Viết đoạn văn (khoảng 4-5 câu) có sử dụng biện pháp nhân hoá theo từng cách khác nhau:

- Dùng từ xưng hô của người để gọi sự vật.
- Dùng từ ngữ chỉ đặc điểm của người để tả sự vật.
- Dùng các câu hội thoại để diễn tả sự trao đổi của sự vật.

\* Đáp án tham khảo:

a) Nhà chị Dế Mèn ở bụi tre. Tối nào chị dế cũng ngồi kéo đàn trên bãi cỏ trước nhà. Máy bác đom đóm đi gác về rất muộn vẫn thấy chị dế say sưa kéo đàn. Một bác đom đóm liền dừng chân trên bãi cỏ và soi đèn cho chị dế biểu diễn bài “Tâm tình quê hương”.

b) Chiếc bảng đen là người bạn thân thiết của cả lớp. Bảng đen rất vui khi chúng em học giỏi. Bảng đen buồn khi chúng em đến lớp chưa thuộc bài. Hôm bạn Hải trực nhật lau vội khăn ướt, bảng đen rơm rớm nước mắt nhìn chúng em, trông thương quá !...

c) Châu Chấu nói với Giun Đất: “Trời nắng ráo chính là một ngày tuyệt đẹp !”. Giun Đất cãi lại: “Không ! Trời mưa bụi và ẩm ướt mới là một ngày tuyệt đẹp !”. Chúng kéo nhau đi tìm đến Kiến Đen nhờ phân xử. Sau một ngày làm việc, Kiến Đen nói với chúng: “Hôm nay tôi đã làm được rất nhiều việc. Ngày tuyệt đẹp của tôi chính là hôm nay đó !”.

### 3.3. Điệp ngữ:

**Bài tập 7:** (Câu 42-Luyện tập về CTVH -Trần Mạnh Hưởng)

Chỉ rõ từng điệp ngữ (từ ngữ được lặp lại) trong đoạn văn dưới đây và cho biết tác dụng của nó (nhằm nhấn mạnh ý gì hoặc gợi cảm xúc gì cho người đọc?)

Thoắt cái, lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu. Thoắt cái, trắng long lanh một cơn mưa tuyết trên những cành đào, lê, mận. Thoắt cái, gió xuân hây hây nồng nàn với những bông hoa lay ơn màu đen nhung hiếm quý.

Nguyễn Phan

Hách

**\* Đáp án tham khảo:**

Bằng cách sử dụng điệp ngữ “Thoắt cái...”, tác giả đã giúp người đọc cảm nhận được sự thay đổi bất ngờ của cảnh vật. Qua sự thay đổi bất ngờ đó, không gian cũng thoát ẩn, thoát hiện, thời gian cũng vì thế mà thoát đến, thoát đi... Sự thay đổi đó còn cho người đọc những cảm giác đột ngột, ngỡ ngàng và vỡ òa theo từng khoảnh khắc thay đổi của nhịp thu.

**3.4. Đảo ngữ:**

**Bài tập 8:** (Câu 42-Luyện tập về CTVH -Trần Mạnh Hưởng)

Đọc câu văn sau: “Trắng tròn như hạt nếp hạt tẻ đầu mùa, hoa sấu kéo dài con đường hoa nhiều quãng cộm hẳn lên như cót gạo nào của khu phố bung vải ra.”

Nguyễn Tuân

Nhận xét:

a) Những từ ngữ in đậm được hiểu là bộ phận làm rõ nghĩa cho danh từ nào trong câu văn trên?

b) Cách viết câu văn theo lối đảo ngữ như trên giúp nhà văn diễn tả được điều gì?

**\* Đáp án tham khảo:**

a) Những từ ngữ in đậm có thể coi là bộ phận định ngữ của danh từ “hoa sấu”.

b) Tác giả đã viết câu văn theo lối đảo ngữ nhằm diễn tả vẻ đẹp tinh khôi, độc đáo, gợi cảm và giàu ý nghĩa của hoa sấu, nhằm làm cơ sở cho sự xuất hiện hình ảnh so sánh độc đáo ở cuối câu: Hoa sấu như cót gạo nào của khu phố bung vải ra.

**4- Dạng 4: Bài tập về đọc diễn cảm có sáng tạo:**

(Xem: Luyện tập về CTVH -Trần Mạnh Hưởng / Tr.43+ Tr.62)

**5- Dạng 5: Bài tập về bộc lộ CTVH qua một đoạn viết ngắn:**

**Bài tập 9:** (Câu 102-Luyện tập về CTVH -Trần Mạnh Hưởng)

Trong bài thơ “Con cò”, nhà thơ Chế Lan Viên có viết:

*Con dù lớn vẫn là con của mẹ,  
Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con.*

**\* Đáp án tham khảo:**

Tình Mẫu tử - Tình mẹ con, xưa nay vẫn được coi là thứ tình cảm thiêng liêng nhất. “Con dù lớn vẫn là con của mẹ. Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con.” Chỉ bằng 2 câu thơ ngắn (gói gọn trong 16 tiếng), nhà thơ Chế Lan Viên đã giúp ta hiểu rõ hơn sự cao cả của tình mẹ. Vâng, con dù đã lớn, đã trưởng thành nhưng con mãi mãi “vẫn là con của mẹ”. Tình thương yêu của mẹ dành cho con vẫn luôn tràn đầy, không bao giờ vơi cạn. Và dù có “đi hết đời” (sống trọn cả cuộc đời) thì tình thương của mẹ với con vẫn còn sống mãi, “vẫn theo con” để quan tâm, lo lắng, giúp đỡ con, dẫn đường chỉ lối và tiếp cho con thêm sức mạnh, giúp con chống chọi và vượt qua mọi thử thách của cuộc đời.

Thế mới biết, tình mẹ bao la như biển Thái Bình... Thế mới biết, tình mẹ dành cho con thật là to lớn, thật là vĩ đại. Có thể nói, đó là một tình yêu



thương mãnh liệt, vô bờ bến, một tình yêu thương bất tử, trường tồn mãi mãi cùng thời gian.

**Bài tập 10:** Trong bài thơ: “Vàm Cỏ Đông”, nhà thơ Hoài Vũ có viết:

Đây con sông như dòng sữa mẹ  
Nước về xanh ruộng lúa, vườn cây  
Và ấm áp như lòng người mẹ  
Chở tình thương trang trải đêm ngày.

Đọc đoạn thơ trên, em cảm nhận được vẻ đẹp đáng quý của dòng sông quê hương như thế nào?

\* **Đáp án tham khảo:**

Xưa nay, dòng sông luôn gắn bó mật thiết với mỗi đồng quê. Sông đưa nước về đồng, nó làm “xanh ruộng lúa, vườn cây”. Nhờ có dòng sông mà bãi lúa, nương dâu tràn đầy sức sống. Vì vậy, dòng sông được ví như “dòng sữa mẹ” nuôi dưỡng các con khôn lớn. Cũng như tấm lòng người mẹ tràn đầy yêu thương, dòng sông lúc nào cũng “ấm áp” đầy nước, ngày đêm sẽ chia tình yêu thương (dòng nước mát lành) cho những cánh đồng. Tình yêu cao cả và vẻ đẹp ấm áp tình người đó càng làm cho ta thêm yêu quý và gắn bó với dòng sông quê hương.

**Bài tập 11:** (Câu 81 -Luyện tập về CTVH -Trần Mạnh Hưởng)

Trong bài “Mùa thu mới”, nhà thơ Tố Hữu viết:

Yêu biết mấy, những dòng sông bát ngát  
Giữa đôi bờ dào dạt lúa ngô non  
Yêu biết mấy, những con đường ca hát  
Qua công trường mới dựng mái nhà son !

Theo em, khổ thơ trên đã bộc lộ cảm xúc của tác giả trước vẻ đẹp gì trên đất nước của chúng ta?

\* **Đáp án tham khảo:**

Bằng cách sử dụng điệp ngữ “Yêu biết mấy”, tác giả muốn nhấn mạnh tình yêu của mình với những vẻ đẹp quê hương đất nước. Đó chính là tình yêu với vẻ đẹp của “những dòng sông bát ngát” đang chảy “giữa đôi bờ dào dạt lúa ngô non”. Đó chính là tình yêu với vẻ đẹp của những con đường rộn rã tiếng cười, tiếng hát chạy qua những công trường đang xây lên những ngôi nhà mới. Qua đó, tác giả muốn bộc lộ niềm xúc động của mình trước sự thay da đổi thịt, sự trù phú của cảnh sắc quê hương và niềm vui trước cuộc sống ấm no, hạnh phúc của con người.

**Bài tập 12:** (Câu 128 -Luyện tập về CTVH -Trần Mạnh Hưởng)

Quê hương là cánh diều biếc  
Tuổi thơ con thả trên đồng  
Quê hương là con đò nhỏ  
Èm đềm khua nước ven sông.

Quê hương- Đỗ Trung Quân

Đọc đoạn thơ trên, em thấy được ý nghĩa và tình cảm của nhà thơ đối với quê hương như thế nào?

**\* Đáp án tham khảo:**

Vâng, nói đến quê hương là nói đến những gì gần gũi, thân quen nhất. Quê hương chính là mảnh đất nuôi dưỡng ta từ thuở ấu thơ và cũng là nơi để lại những dấu ấn đẹp đẽ nhất trong tâm hồn ta. Đối với nhà thơ Đỗ Trung Quân, quê hương không chỉ là cha, là mẹ, là họ hàng làng xóm, mà quê hương còn là những “cánh diều biếc” từng in đậm dấu ấn tuổi thơ đẹp đẽ của tác giả trên những cánh đồng, là “con đò nhỏ” khua nước ven sông với âm thanh nhẹ nhàng, êm đềm mà lắng đọng. Có thể nói, những sự vật đơn sơ, giản dị trên quê hương luôn có sự gắn bó mật thiết với nhà thơ và đã trở thành những kỉ niệm không thể nào quên. Nghĩ về quê hương, hướng về quê hương, hướng về cội nguồn với những hình ảnh thân quen, gần gũi, với một tâm hồn mộc mạc và giản dị như vậy chứng tỏ tình cảm của nhà thơ đối với quê hương thật là đẹp đẽ và sâu sắc.

**Bài tập 13:** (Câu 152 -Luyện tập về CTVH -Trần Mạnh Hưởng)

Hãy ghi lại vài dòng cảm nhận của em về vẻ đẹp của rừng mơ Hương Sơn được gợi tả qua đoạn thơ sau:

Rừng mơ ôm lấy núi  
Mây trắng đọng thành hoa  
Gió chiều đông gòn gợn  
Hương bay gần bay xa...

*Rừng mơ - Trần Lê Văn*

**\* Đáp án tham khảo 1:**

“Hương Sơn” là “núi thơm”. Tả cảnh Hương Sơn, tác giả tả cảnh rừng mơ, vì trái mơ, hoa mơ đem hương cho núi.

Bốn câu thơ đã vẽ lên một bức tranh tuyệt đẹp và thơ mộng. Núi và hoa gắn bó, đan quện vào nhau (Rừng mơ ôm lấy núi). Hoa mơ trắng hay mây trắng đang lượn lờ quanh núi? (Mây trắng đọng thành hoa). Một thoáng “gió chiều đông gòn gợn” cũng đủ đưa hương hoa bay lãng bãng xa gần, ủ ấp cho núi thêm thơm. Bức tranh thiên nhiên có đủ cả núi, cả hoa, cả mây, cả gió được miêu tả ở trạng thái động mà rất tĩnh lặng, rất êm đềm, sự êm đềm cần thiết để hoa ủ hương cho núi. Nếu không có vẻ đẹp của “rừng mơ”, mấy ai biết đến vẻ đẹp của Hương Sơn?...

**\* Đáp án tham khảo 2:**

Đoạn thơ đã khắc hoạ một bức tranh phong cảnh tuyệt đẹp của rừng mơ Hương Sơn: Rừng mơ bao quanh núi được tác giả nhân hoá thông qua từ “ôm” cho ta thấy sự gắn bó gần gũi, thân thiết và thấm đượm tình cảm của cảnh vật thiên nhiên. Những chùm hoa mơ nở trắng cả một vùng trông như những vầng mây trắng trên trời đọng lại. Những cơn gió buổi chiều đông nhẹ nhàng thổi (gòn gợn) đưa hương hoa lan toả đi khắp nơi. Có thể nói, đoạn thơ đã vẽ lên một bức tranh mang vẻ đẹp hữu tình của đất trời hoà quện trong rừng mơ Hương Sơn.

**Bài tập 14:** Trong bài thơ “*Tiếng ru*”, nhà thơ Tố Hữu có viết:  
Một ngôi sao chẳng sáng đêm

Một thân lúa chín chẳng lên mùa vàng  
Một người đâu phải nhân gian?  
Sống chẳng một đốm lửa tàn mà thôi !

Từ cách diễn đạt giàu hình ảnh trong đoạn thơ trên, em hiểu được nhà thơ muốn nói với chúng ta điều gì?

\* Đáp án tham khảo:

Ở đoạn thơ trên, tác giả đã sử dụng cách diễn đạt mang tính chất tương phản giữa các hình ảnh: Một “ngôi sao” với một màn đêm (một ngôi sao thì chỉ có ánh sáng yếu ớt, không làm sáng được cả màn đêm) ; “Một thân lúa chín” với “mùa vàng” (một bông lúa thì thật nhỏ bé, không thể làm nên cả một vụ mùa bội thu) ; “Một người” với cả “nhân gian” (một người lẻ loi thì không thể tạo nên cả cõi đời, nơi cả loài người sinh sống, vì vậy, nếu có tồn tại thì cũng chỉ như một đốm lửa nhỏ nhoi sắp tàn lụi).

Qua cách diễn đạt giàu hình ảnh trên, tác giả muốn gửi gắm tới người đọc một triết lí sâu sắc: Con người chỉ thực sự trở nên hữu ích khi biết sống trong mối quan hệ gắn bó đoàn kết với tập thể, với cộng đồng. Nếu sống mà tách rời khỏi tập thể, cộng đồng, chỉ nghĩ đến riêng mình và sống cho riêng mình thì cuộc sống đó trở nên vô vị, chẳng có ý nghĩa gì cả.

**Bài tập 15:** (Câu 100 -Luyện tập về CTVH -Trần Mạnh Hưởng)

#### BÓNG MÂY

Hôm nay trời nắng như nung  
Mẹ em đi cấy phơi lưng cả ngày  
Ước gì em hoá đám mây  
Em che cho mẹ suốt ngày bóng râm

Thanh Hào

Đọc bài thơ trên, em thấy được những nét gì đẹp đẽ về tình cảm của người con đối với mẹ?

\* Đáp án tham khảo:

Qua bài thơ “Bóng mây”, tác giả Thanh Hào đã khắc họa hình ảnh một người mẹ thật lam lũ, thật vất vả. Mẹ phải “phơi lưng” đi cấy cả ngày dưới bầu trời “nắng như nung” (cái nắng nóng như có lửa nung). Thấu hiểu được nỗi vất vả của mẹ, người con thầm ước mình hoá thành mây để suốt ngày che mát cho mẹ. Quả thật, một bóng mây xuất hiện giữa một bầu trời nắng nóng vô cùng có giá trị với một người mẹ đang phải phơi nắng để làm việc ngoài đồng. Điều ước nhỏ nhoi mà thật là ý nghĩa, thật là cảm động. Nó thể hiện một tình yêu thương vừa sâu sắc lại vừa cụ thể, vừa thiết thực của người con đối với mẹ.

**Bài tập 16:** (Câu 138 -Luyện tập về CTVH -Trần Mạnh Hưởng)

Kết thúc bài “Tre Việt Nam”, nhà thơ Nguyễn Duy viết:

Mai sau,  
Mai sau, Mai sau,  
Đất xanh tre mãi xanh màu tre xanh.

Em hãy cho biết, những câu thơ trên nhằm khẳng định điều gì? Cách diễn đạt của nhà thơ có gì độc đáo, góp phần khẳng định điều đó?

**\* Đáp án tham khảo:**

Những câu thơ trong phần kết của bài “Tre Việt Nam” nhằm khẳng định một màu xanh vĩnh cửu của tre Việt Nam, qua đó khẳng định sức sống bất diệt của con người Việt Nam, truyền thống cao đẹp của dân tộc Việt Nam. Bằng cách thay đổi cách ngắt nhịp và ngắt dòng (Mai sau/ Mai sau/ Mai sau/), với biện pháp sử dụng điệp ngữ “Mai sau”, tác giả đã khiến cho người đọc có cảm giác như thời gian và không gian được mở ra vô tận, khiến cho ý thơ âm vang, bay bổng và đem đến cho người đọc những liên tưởng phong phú. Với việc sử dụng từ “xanh” 3 lần trong dòng thơ với những sự kết hợp khác nhau (xanh tre, xanh màu, tre xanh), tác giả đã tạo ra những nét nghĩa đa dạng, phong phú và khẳng định sự trường tồn của màu sắc, của sức sống của tre cũng như của dân tộc Việt Nam.

**Bài tập 17:** Trong bài “Tre Việt Nam” của nhà thơ Nguyễn Duy có viết:

Bão bùng thân bọc lấy thân

Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm

Thương nhau tre chẳng ở riêng

Luỹ thành từ đó mà nên hỡi người.

Hãy nêu lên vẻ đẹp của đoạn thơ trên?

**\* Đáp án tham khảo:**

Cây tre là một loài cây gắn bó mật thiết với đời sống của con người Việt Nam. Tre không chỉ có sức sống mạnh mẽ mà còn có thói quen sống thành lũy, thành hàng. Họ hàng nhà tre luôn sống bao bọc, che chở, quấn quýt quây quần bên nhau. Bằng cách sử dụng biện pháp nhân hoá thông qua các từ “ôm”, “níu”, “thương nhau”, ..., nhà thơ Nguyễn Duy không chỉ giúp ta hiểu rõ phẩm chất tốt đẹp của cây tre Việt Nam, mà qua đó còn giúp ta hiểu hơn những phẩm chất, những truyền thống cao đẹp của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam.

**Bài tập 18:** (Câu 154 -Luyện tập về CTVH -Trần Mạnh Hưởng)

Trong bài “Về thăm nhà Bác”, nhà thơ Nguyễn Đức Mậu viết:

Ngôi nhà thuở Bác thiếu thời

Nghiêng nghiêng mái lợp bao đời nắng mưa

Chiếc giường tre quá đơn sơ

Võng gai ru mát những trưa nắng hè.

Em hãy cho biết: Đoạn thơ trên giúp ta cảm nhận được điều gì đẹp đẽ, thân thương?

**\* Đáp án tham khảo:**

Đoạn thơ đã giúp ta cảm nhận được sự đơn sơ, giản dị của ngôi nhà Bác Hồ đã sống thuở niên thiếu. Cũng như bao ngôi nhà khác của các làng quê Việt Nam, ngôi nhà của Bác cũng “nghiêng nghiêng mái lợp” (Mái được lợp bằng lá), cũng dãi nắng dầm mưa, cũng mộc mạc với chiếc giường tre, chiếc “võng gai ru mát những trưa nắng hè”.

Song trong ngôi nhà đó, Bác Hồ đã được lớn lên trong tình cảm yêu thương tràn đầy của gia đình. Có thể nói, ngôi nhà đơn sơ mà đầy tình yêu

thương đó chính là chiếc nôi ấm áp nuôi dưỡng tâm hồn, nuôi dưỡng tuổi thơ của Bác. Chính ngôi nhà đó đã góp phần tạo nên con người Bác, một vị lãnh tụ có tấm lòng nhân ái bao la.

## PHẦN IV: CHÍNH TẢ

### 1-Chính tả phân biệt l / n:

#### A) Ghi nhớ:

- L xuất hiện trong các tiếng có âm đệm (VD: loan, luân, loa, ...) / N không xuất hiện trong các tiếng có âm đệm (trừ 2 âm tiết Hán Việt: noãn, noa).

- Trong cấu tạo từ láy:

+ L/n không láy âm với nhau.

+ L có thể láy vần với nhiều phụ âm khác (VD: lệt bệt, la cà, lờ đờ, lò dò, lạnh lùng, ..)

+ N chỉ láy âm với chính nó (no nê, nợ nần, nao núng, ...)

#### B) Bài tập thực hành:

##### **Bài tập 1:** Điền l / n:

...o...ê, ...o...áng, ...u...uyên, ...ô...ức, ...ão...ùng, ...óng...ây, ...ăn...óc,  
...ong...anh, ...ành...ăn, ...anh...ội, ...oè...oệt, ...ơ...ốp.

##### **Bài tập 2:** Điền l / n:

Hoa thảo quả...ây dưới gốc cây kín đáo và...ặng...ế. Dưới tầng đáy rừng, những chùm thảo quả đỏ chon chót, bóng bẩy như chứa...ừa, chứa...ắng.

##### **Bài tập 3:** Điền l / n:

Tới đây tre...ừa...à nhà

Giò phong...an...ở nhánh hoa nhụy vàng

Trưa...ằm đưa võng, thoảng sang



Một...àn hương mỏng, mênh mang nghĩa tình.

...án đêm, ghé tạm trạm binh

Giường cây...ót...á cho mình đỡ đau...

(Tố Hữu)

**Bài tập 4:** Điền tiếng có chứa phụ âm đầu l /n:

a) ... trường Tam Đảo chạy quanh quanh

Dòng... qua nhà lúp... xanh

Bãi cỏ xa nhấp nhô sóng...

Đàn cừu... gặm cỏ yên...

(Vĩnh Mai)

b) Trăng toả... từng ánh vàng dịu dịu. Những cụm mây trắng lững... trôi. Đầu phố, những cây dâu da đang thắm... ban phát từng... hương ngọt ngào vào đêm yên tĩnh. Càng về khuya, hoa càng nồng..., ... nức.

(Đức Huy)

\* **Đáp án:**

a) nông, nước, lách, lượn, non, lành.

b) lan, lò, lặng, làn, nản, náo.

**Bài tập 5:** Tìm 4-5 từ có tiếng: la, lạc, lạt, nam, lam, lan, nan, nanh, lao, lát, lăm, lẳng, năng, lập, neo, nép, linh, nòng, lóng, lỗi, lung, nương.

\* **Đáp án:**

- la: la bàn, la cà, la đà, la hét, la liệt, la ó, bao la, dò la, ...

- lạc: lạc đà, lạc đề, lạc đường, lạc hậu, lạc quan, ...

- lạt: lạt dứa, lạt phát, lạt quyền, tiêu lạt, ...

- nam: nam nữ, gió nam, Miền Nam, phương Nam, ...

- lam: lam lũ, lam nham, danh lam thắng cảnh, màu lam, tham lam, ...

- lan: lan man, lan tràn, sà lan, tràn lan, ...

- nan: nan cốt, nan rỗ, nan hoa xe đạp, quạt nan, thuyền nan, ...

- nanh: nanh ác, nanh nọc, nanh cọp, nanh độc, nanh lợn, nanh vuốt, răng nanh, ...

- lao: lao công, lao động, lao xao, gian lao, ...

- lát: lát cắt, lát bánh, lát gạch, lát sàn, đan lát, chốc lát, giây lát, ...

- lăm: lăm le, lăm lăm, mùi lăm, hăm lăm, ...

- lẳng: lẳng miếu, lẳng mộ, lẳng kính, lẳng tấm, xâm lẳng, ...

- năng: năng suất, năng động, năng khiếu, chức năng, siêng năng, tài năng, ...

- lập: lập công, lập dị, lập đông, lập hạ, lập luận, sáng lập, tự lập, thành lập, ...

- neo: neo thuyền, gieo neo, thả neo, neo đậu, neo lại, ...

- nép: nép chặt, nép mình, nép vào, nem nép, khép nép, ...

- linh: linh kiện, linh thiêng, anh linh, tâm linh, thần linh, vong linh, lung linh, ...

- nòng: nòng cốt, nòng nọc, nòng súng, đạn lên nòng, ...

- lóng: lóng lánh, lóng ngóng, nói nóng, tiếng nóng, ...

- lỗi: lỗi lầm, lỗi thời, mắc lỗi, xin lỗi, thứ lỗi, sửa lỗi, tội lỗi, ...

- lung: lung linh, lung lay, lung tung, mông lung, ...

- nướng: nướng nấu, nướng rẫy, ruộng nướng, lên nướng, làm nướng, ...

## **2- Chính tả phân biệt ch / tr:**

### **A) Ghi nhớ:**

- Khả năng tạo từ láy của tr hạn chế hơn ch. Tr tạo kiểu láy âm là chính (trắng trẻo), còn ch cấu tạo vừa láy âm, vừa láy vần (chông chênh, chơi vui) (tr chỉ xuất hiện trong một vài từ láy vần: trệt lét, trọc lóc, trụi lủi).

- Những danh từ (hay đại từ) chỉ quan hệ thân thuộc trong gia đình chỉ viết với ch (không viết tr): cha, chú, cháu, chị, chồng, chàng, chút, chắt, ...

- Những danh từ chỉ đồ vật thường dùng trong nhà chỉ viết với ch: chạn, chum, chén, chai, chõng, chiếu, chăn, chảo, chổi, ...

- Từ có ý nghĩa phủ định chỉ viết với ch: chẳng, chưa, chớ, chả, ...

- Tên cây, hoa quả ; tên các món ăn ; cử động, thao tác của cơ thể, động tác lao động chân tay phần lớn viết với ch.

- Tiếng trong từ Hán Việt mang thanh nặng(.) và huyền (̀) viết tr.

### **B) Bài tập thực hành:** (Một số bài đã điền sẵn đáp án)

#### **Bài 1:** Điền ch / tr:

Trong trẻo, tròn trĩnh, chập chững, chông chơ, trơ trọi, che chở, chúm chím, trẻ trung, chen chúc, chải chuốt, chạm trổ, trồng trãi.

#### **Bài tập 2:** Điền từ ngữ có chứa các tiếng sau:

|        |        |
|--------|--------|
| trẻ... | chẻ... |
| trê... | chê... |
| tri... | chi... |
| tro... | cho... |
| trợ... | chợ... |

#### **Bài tập 3:**

##### a) Điền chung / trung:

- Trận đấu..... kết. (chung)

- Phá cỗ..... Thu. (Trung)

- Tình bạn thủy.....(chung)

- Cơ quan..... ương. (trung)

##### b) Điền chuyện hay truyền:

- Vô tuyến..... hình. (truyền)

- Văn học... miệng. (truyền)

- Chim bay.... cành. (chuyện)

- Bận nữ chơi.... (chuyện)

#### **Bài tập 4:** Điền tiếng chứa ch / tr:

Miệng và chân.... cãi rất lâu, ...nói:

- Tôi hết đi lại..., phải... bao điều đau đớn, nhưng đến đâu, cứ có gì ngon là anh lại được xơi tất. Thật bất công quá !

Miệng từ tốn... lời:

- Anh nói...mà lạ thế ! Nếu tôi ngừng ăn, thì liệu anh có bước nổi nữa không nào?

\* Đáp án: tranh, chân, chạy, chụ, trả, chi.

**Bài tập 5:** Tìm 4-5 từ có chứa tiếng: cha, chả, chai, trái, chạm, tranh, chằm, chân, châu, che, trí, chí, triều, công, trống, trở, chuyền, trương, chướng.

\* **Đáp án:**

- Cha: Cha con, cha cố, cha mẹ, ông cha, mẹ cha, ...
- Chả: chả giò, giò chả, bún chả, chả trách, ...
- Chai: chai lọ, chai mặt, chai sạn, bia chai, ...
- Trái: trái chiếu, trải nghiệm, trải qua, bươm trải, ...
- Chạm: chạm khắc, chạm nọc, chạm trổ, động chạm, ...
- Tranh: tranh ảnh, bức tranh, cạnh tranh, đấu tranh, ...
- Chằm: chằm biếm, chằm chích, chằm chọc, chằm chước, chằm ngôn, nam chằm, ...
- Chân: chân cẳng, chân dung, chân giò, chân lí, chân phương, ...
- Châu: châu á, châu báu, châu thổ, năm châu, ...
- Che: che đậy, che phủ, che dấu, che nắng, ...
- Trí: trí dũng, trí nhớ, trí óc, trí thức, mưu trí, ...
- Chí: chí hướng, chí khí, báo chí, thiện chí, ý chí, ...
- Triều: triều đại, chiều đình, triều vua, triều thần, thủy triều, vương triều, ...
- Công: công chên, công gai, công tre, bàn công, cây công, ...
- Trống: trống canh, trống đồng, trống trôn, gà trống, chiêm trống, ...
- Trở: trở gót, trở lại, trở mặt, trở tay, trở về, ...
- Chuyền: chuyền bóng, bóng chuyền, que chuyền, dây chuyền, ...
- Trương: trương mắt, khai trương, phô trương, khuếch trương, ...
- Chướng: chướng bụng, chướng hơi, chướng ngại vật, nghiệp chướng, ...

### 3- Chính tả phân biệt x / s:

#### A) Ghi nhớ:

- X xuất hiện trong các tiếng có âm đệm (xuề xoà, xoay xở, xoành xoạch, xuềnh xoàng, ...), s chỉ xuất hiện trong một số ít các âm tiết có âm đệm như: soát, soạt, soạn, soạng, suất.
- X và s không cùng xuất hiện trong một từ láy.
- Nói chung, cách phân biệt x/s không có quy luật riêng. Cách sửa chữa lỗi duy nhất là nắm nghĩa của từ, rèn luyện trí nhớ bằng cách đọc nhiều và viết nhiều.

#### B) Bài tập thực hành:

**Bài tập 1:** Điền x/s: (bài đã điền sẵn đáp án)

|         |           |          |
|---------|-----------|----------|
| Sơ suất | xuất xứ   | xót xa   |
| sơ sài  | xứ xở     | xa xôi   |
| xơ xác  | xao xuyên | sục sôi  |
| sơ sinh | sinh sôi  | xinh xắn |

**Bài tập 2:** Tìm 5 từ láy có phụ âm đầu s ; 5 từ láy có phụ âm đầu x ; 5 từ ghép có phụ âm đầu s đi với x.

\* **Đáp án:**

- Sạch sẽ, sứt sịt, sừng sốt, sù sì, sì sụp, sù sụ, so sánh, sinh sôi, sáng sửa, san sát, sặc sỡ, ...
- Xót xa, xù xì, xấu xa, xì xào, xao xác, xinh xắn, xao xuyên, xào xạc, xa xôi, xấp xỉ, ...
- Xứ sở, sản xuất, xuất sắc, xác suất, xoay sở, xoắn, sâu xa, soi xét, ...

### **Bài tập 3:**

Tìm 4-5 từ có tiếng: sa, xác, xao, xát, sắc, song, sở, xúc, xông, sôi, sơ, xơ, xuất, suất, sử, xử.

#### **\* Đáp án:**

- Sa: sa lầy, sa cơ lỗ bước, sa lưới, sa ngã, sa sút, ...
- Xác: xác lập, xác minh, xác suất, xác định, xác xơ, xác thực, ...
- Xao: xao động, xao xuyên, lao xao, xông xáo, ...
- Xát: xô xát, xay xát, cọ xát, xây xát, ...
- Sắc: sắc mặt, sắc xuân, màu sắc, biến sắc, xuất sắc, ...
- Song: song ca, song hành, song phương, song toàn, song song, vô song, song sắt, ...
- Sở: sở sách, sở điểm, sở tay, sở toẹt, cửa sổ, ...
- Xúc: xúc dậy, xúc lên, xúc nách, xúc nổi, xúc vác, ...
- Xông: xông đất, xông khói, xông mũi, xông muối, xông hơi, ...
- Sôi: sôi động, sôi nổi, sục sôi, sinh sôi, ...
- Sơ: sơ bộ, sơ chế, sơ khai, sơ sinh, sơ thẩm, hoang sơ, thô sơ, ...
- Xơ: xơ cứng, xơ mướp, xơ xác, xơ mít, xơ múi, ...
- Xuất: Xuất bản, xuất hiện, xuất hành, xuất kho, diễn xuất, đề xuất, sản xuất, ...
- Suất: suất cơm, năng suất, áp suất, công suất, sơ suất, ...
- Sử: sử sách, sử học, sử dụng, giả sử, ...
- Xử: xử lí, xử sự, xử trí, cư xử, phán xử, xét xử, ...

### **4- Chính tả phân biệt gi / r / d:**

#### **A) Ghi nhớ:**

- Gi và d không cùng xuất hiện trong một từ láy.
- Những từ láy vần, nếu tiếng thứ nhất có phụ âm đầu là l thì tiếng thứ hai có phụ âm đầu là d (lim dim, lò dò, lai dai, líu dít, ...)
- Từ láy mô phỏng tiếng động đều viết r (róc rách, rì rào, réo rắt, ...)
- Gi và r không kết hợp với các tiếng có âm đệm. Các tiếng có âm đệm chỉ viết với d (duyet binh, duy trì, doạ nạt, doanh nghiệp, ...)
- Tiếng có âm đầu r có thể tạo thành từ láy với tiếng có âm đầu b, c, k (gi và d không có khả năng này) (VD: bút rút, cặp rập, ...)
- Trong từ Hán Việt, tiếng có thanh ngã (~), nặng (.) viết d ; mang thanh hỏi (?), sắc (/) viết với gi.

#### **B) Bài tập thực hành:**

**Bài tập 1:** Điền gi/ d/ r: (Bài đã điền sẵn đáp án)

dạy dỗ, dùi dắt, giáo dưỡng, rung rinh, giòn giã, dống dả, rục rĩ, giảng giải, róc rách, gian dối, rỗng rã.

**Bài tập 2:** Điền d/ r/ gi: (Bài đã điền sẵn đáp án)

- Dây mơ rễ má. - Rút dây động rừng.
- Giấy trắng mực đen. - Giương đông kích tây.
- Gieo gió gặt bão. - Dãi gió dầm mưa.
- Rối rít títt mù. - Dốt đặc cán mai.
- Danh lam thắng cảnh.

**Bài tập 3:** Tìm những từ ngữ có chứa tiếng rong, dong, giông để phân biệt sự khác nhau giữa chúng.

- Rong rêu, rong chơi.
- Củ dong, dong đồng.
- Giông ruồi, trống giông cờ mờ.

**Bài tập 4:** Tìm 3-5 từ có chứa tiếng: gia, da, rả, giả, dã, rã, dán, gián, dang, giang, danh, giành, rành, dành, giao, dò, dương, giương, rương.

\* **Đáp án:**

- Gia: gia đình, gia hạn, gia súc, gia tộc, gia vị, chuyên gia, ...
- Da: da bò, da diết, da mặt, da trời, cặp da, ...
- Rả: rả rích, cửa rả, cỏ rả, rôm rả, ...
- Giả: giả danh, giả dối, giả mạo, giả sử, giả thuyết, tác giả, ...
- Dã: dã chiến, dã man, dã ngoại, dã sử, dã tâm, dân dã, hoang dã, ...
- Rã: rã cánh, rã rời, rệu rã, rỗng rã, rộ rã, tan rã, ...
- Dán: dán mắt, dán tem, băng dán, keo dán, gỗ dán, ...
- Gián: gián đoạn, gián điệp, gián tiếp, con gián, ...
- Dang: dang cánh, dang tay, dang chân, dở dang, ...
- Giang: giang hồ, giang sơn, giỏi giang, lạt giang, ...
- Danh: danh ca, danh lam thắng cảnh, danh mục, danh nhân, danh ngôn, danh sách, ...
- Giành: giành giật, giành nhau, tranh giành, giành độc lập, ...
- Rành: rành việc, rành mạch, rành rọt, rõ rành, ...
- Dành: để dành, dành dụm, dỗ dành, dành cho, ...
- Giao: giao ban, giao dịch, giao du, giao liên, giao thừa, giao ước, ...
- Dò: dò dẫm, dò hỏi, dò la, dò tin, dò xét, lò dò, ...
- Dương: dương cầm, dương gian, dương lịch, âm dương, du dương, đại dương, ...
- Giương: giương buồm, giương cung, giương mắt, giương cao ngọn cờ, ...
- Rương: Cái rương, rương quần áo, hòm rương, ...

**5- Quy tắc viết phụ âm đầu “cờ”:**

**A) Ghi nhớ:**

Âm đầu “cờ” được ghi bằng các chữ cái c, k, q.

- Viết q trước các vần có âm đệm ghi bằng chữ cái u.
- Viết k trước các nguyên âm e, ê, i (iê, ia)
- Viết c trước các nguyên âm khác còn lại.

**B) Bài tập thực hành:**

**Bài 1:** Điền c / k / q: (Đã điền sẵn đáp án vào bài)



|           |           |          |          |
|-----------|-----------|----------|----------|
| kì cọ     | kiểu cách | quanh co | kèm cặp  |
| kì quan   | kẻ cả     | cập kênh | quy cách |
| kim cương | kính cận  | cắm cúm  | co kéo   |
| quả quyết | cảnh quan |          |          |

**Bài 2:** Tìm các từ láy có phụ âm đầu “cờ” ghi bằng các con chữ q/k/c.

\* **Đáp án:**

- quán quýt, quanh quẩn, quang quác, ...
- cần cỏi, cần cù, cục cằn, cặm cụi, ...
- kiêu kì, kênh kiệu, kéo kẹt, ...

**Bài 3:** Điền c/ k/ q:(Bài đã điền sẵn đáp án)

- cày sâu cuốc bẫm. - cốc mò cò xơi.
- kết tóc xe tơ. - công thành danh toại.
- quýt làm cam chịu. - quen hơi bén tiếng.
- kén cá chọn canh. - kê vai sát cánh.

**6- Quy tắc viết phụ âm đầu “gờ”, “ngờ”:**

**A) Ghi nhớ:**

- Âm đầu “gờ” được ghi bằng con chữ g, gh.
- Âm đầu “ngờ” được ghi bằng con chữ ng, ngh.
- Viết gh, ngh trước các nguyên âm e, ê, i, iê (ia).
- Viết g, ng trước các nguyên âm khác còn lại.

**B) Bài tập thực hành:**

**Bài tập 1:** Điền g / gh (Bài đã điền sẵn đáp án):

Gần gũi, gắt gỏng, gan góc, ghen ghét, ghi nhớ, gọn gàng, ghê gớm, gang thép, gồng gánh, gồ ghề.

**Bài tập 2:** Điền ng / ngh (Bài đã điền sẵn đáp án):

Nghe ngóng, ngả nghiêng, nghênh ngang, nguệch ngoạc, ngưng nguyền, ngốc nghếch, nghĩ ngợi, nghêu ngao, nghịch ngợm, ngoan ngoãn, ngập nghệ, ngang ngạnh, ngay ngắn, ngượng nghịu, nồng nghênh.

**7- Quy tắc viết nguyên âm i / y:**

**A) Ghi nhớ:**

- Nếu đứng một mình thì viết y (y tế, ý nghĩ).
- Nếu đứng sau âm đệm u thì viết y (suy nghĩ, quy định).
- Nếu nguyên âm đôi iê đứng đầu tiếng thì viết y (yên ả, yêu thương).
- Nếu là vị trí đầu tiếng (không có âm đệm) thì viết i (im lặng, in ấn).
- Nếu là vị trí cuối tiếng (trừ uy, ay, ây) thì viết i (chui lủi, hoa nhài).

**B) Bài tập thực hành:**

Bài tập 1: Điền y /i: (Bài đã điền sẵn đáp án)

Sách in, in ấn, tàu thủy, yên nghĩ, y tế, im lặng, y khoa, yêu quý, ...

Bài tập 2: Tìm những từ viết sai chính tả rồi sửa lại cho đúng:

- mỹ thuật.
- ý nghĩ.
- suy nghĩ.
- qui định.

- hi sinh.

- kỉ niệm.

\* Đáp án:

- Mĩ thuật ; kỉ niệm (hiện nay 2 trường hợp này tồn tại cả 2 cách viết)

- quy định (trong tiếng quy, âm đệm là u \* âm đệm u chỉ đứng trước âm chính là y. U chỉ đứng trước i khi u là âm chính: VD: túi, núi, ...)

## **8- Quy tắc viết hoa:**

### **A) Ghi nhớ:**

1. Tên người, tên núi, tên sông, tỉnh, thành phố, quận, huyện, xã, làng, ... của Việt Nam được viết hoa chữ cái đầu của mỗi tiếng (VD: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Trường Sơn, Cửu Long, ...)

- Riêng tên người, địa danh của một số dân tộc ít người nếu được phiên âm từ tiếng dân tộc thì chỉ viết hoa chữ cái đầu ở mỗi bộ phận của tên, giữa các tiếng trong cùng một bộ phận có dấu gạch nối (VD: Kơ-pa Kơ- long, Y-a-li, Đăm –bri, Pắc-pó, ...)

2. Tên người, tên địa danh nước ngoài phiên âm trực tiếp ra tiếng Việt thì viết hoa chữ cái đầu ở mỗi bộ phận của tên, giữa các tiếng trong cùng một bộ phận có dấu gạch nối (VD: Lu-i Pa-xtơ, Tô- mát, Ê-đi-xơn, Mê-kông, Von-ga, Ki-ép, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, ...)

- Riêng tên người, tên địa danh nước ngoài được gọi như kiểu tên người, tên địa danh Việt Nam (do được phiên âm qua âm Hán Việt nên đã được Việt hoá), thì được viết hoa như tên người, tên địa danh Việt Nam (VD: Lí Bạch, Đỗ Phủ, Trương Mạn Ngọc, Trung Quốc, Ấn Độ, Triều Tiên, ...)

3. Tên các cơ quan, đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội ; cụm từ chỉ huân, huy chương, danh hiệu, giải thưởng, ... được viết hoa chữ cái đầu ở tiếng đầu các bộ phận nêu nên tính chất “riêng” của tên riêng đó (VD: Đảng Cộng sản Việt Nam, Trường Đại học sư phạm Hà Nội, Huy hiệu Cháu ngoan Bác Hồ, ...)

4. Các chữ cái đầu câu, đầu đoạn, đầu bài, đầu các chương mục, đầu dòng thơ đều phải viết hoa.

5. Một số danh từ chung và đại từ xưng hô cũng có thể được viết hoa để tỏ thái độ kính trọng đối với những người và sự việc mà chúng biểu thị (VD: Việt Nam ta gọi tên Người thiết tha).

6. Các sự vật khác (động vật, thực vật, đồ đạc) nếu được đặt tên riêng thì những tên riêng ấy cũng viết hoa theo quy tắc viết hoa tên người (VD: cô Đậu Nành, anh Dừa Hấu, chị Gà Mái Mơ, chú Mướp, ...)

### **B) Bài tập thực hành:**

**Bài tập 1:** Hãy viết tên 5 bạn cùng tổ em (họ, tên đệm, tên riêng)

**Bài tập 2:** Hãy viết tên 5 địa danh của Việt Nam.

**Bài tập 3:** Hãy viết tên 5 người và địa danh vùng dân tộc ít người.

**Bài tập 4:** Hãy viết tên 5 người và địa danh nước ngoài (được phiên âm qua âm Hán- Việt)

**Bài tập 5:** Hãy viết tên 5 người và địa danh nước ngoài (được phiên âm trực tiếp sang tiếng Việt)